

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – HUNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 11/2026/HS-ST
Ngày 21-01-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – HUNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Trần Xuân Bằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Hiền;

Bà Tạ Thị Minh Huệ.

- Thư ký phiên toà: Bà Trần Thị Tuyết Trinh, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Hưng Yên tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Cao Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 21/01/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hình sự thụ lý số 62/2025/TLST-HS ngày 02/12/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2026/QĐXXST-HS ngày 08/01/2026, đối với bị cáo: **Trương Thăng L**, sinh ngày 08 tháng 8 năm 1996 tại xã N, tỉnh Hưng Yên; nơi cư trú: Thôn P, xã N, tỉnh Hưng Yên; căn cước công dân số 034096003760; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Công giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Văn P (đã chết) và bà Phạm Thị S; có vợ Nguyễn Thị Linh N; chưa có con; tiền sự: Không; tiền án: Bị cáo có 02 tiền án. Bản án số 111/2020/HS-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, thành phố Hà Nội xử phạt 12 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 07/02/2021, chưa chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm. Bản án số 92/2023/HS-ST ngày 29/9/2023 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình xử phạt 02 năm tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 08/4/2025 và chấp hành xong án phí hình sự sơ thẩm ngày 10/11/2023. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 02/9/2025, đến ngày 11/9/2025 chuyển tạm giam cho đến nay, hiện bị cáo đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 2 - Công an tỉnh H (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: Bà Phạm Thị S, sinh năm 1977; nơi cư trú: Thôn P, xã N, tỉnh Hưng Yên (có mặt).

- *Người chứng kiến:* Anh Bùi Công K, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt) và anh Vũ Đình K1, sinh năm 1969; nơi cư trú: Thôn T, xã Đ, tỉnh Hưng Yên (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 02/9/2025, Trương Thăng L điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter RC màu đỏ đen, biển kiểm soát 17B8-202.78 của mẹ đẻ bà Phạm Thị S đi từ nhà đến khu vực ngã tư xã Đ, tỉnh Hưng Yên, mục đích để tìm mua ma túy về sử dụng. Tại đây bị cáo L gặp một người đàn ông không quen biết, bị cáo nhìn người đàn ông này giống người nghiện ma túy, bị cáo không biết tên tuổi địa chỉ của người này, bị cáo hỏi mua ma túy người này đồng ý bán ma túy cho bị cáo L, bị cáo L đưa cho người đàn ông này 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng để mua ma túy, nhận tiền của bị cáo L người đàn ông này đưa lại cho L một vỏ bao thuốc lá T màu vàng, bên trong chứa 01 (một) gói giấy trắng kim màu trắng, bên trong chứa chất bột dạng cục màu trắng, bị cáo L cầm cất vào gacbaga giữa của xe mô tô và đi về tìm nơi sử dụng. Đến khoảng 16 giờ 30 phút cùng ngày, bị cáo L đến khu vực đường bê tông trước cổng nhà ông Bùi Văn C, sinh năm 1971, thuộc địa phận thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên thì bị cơ quan Công an xã Đ, tỉnh Hưng Yên đang làm nhiệm vụ kiểm tra phát hiện bắt quả tang. Trước sự chứng kiến của anh Bùi Công K và anh Vũ Đình K1, bị cáo L tự nguyện lấy gói ma túy giao nộp cho cơ quan Công an và khai nhận đó là gói ma túy mua về để sử dụng cho bản thân. Công an xã Đ, tỉnh Hưng Yên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với bị cáo L, biên bản quản lý và niêm phong vật chứng thu được. Khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trương Thăng L tại thôn P, xã N, tỉnh Hưng Yên không phát hiện thu giữ gì.

Tại bản kết luận giám định số 1074/KL-KTHS ngày 06/9/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh H, kết luận: *Mẫu vật thu được của Trương Thăng L gửi giám định là ma túy, loại Heroine (H) có khối lượng 0,1808 gam, H (Heroin) có tên khoa học là D, được quy định tại Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017, 2024, 2025) và Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ quy định danh mục chất ma túy và tiền chất, Heroine STT: 09 Danh mục IA phụ lục kèm theo Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 và Nghị định 90/2024/NĐ-CP ngày 17/7/2024 của Chính phủ.*

Tại bản Cáo trạng số 35/CT-VKS-KV6 ngày 02/12/2025 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên đã truy tố bị cáo Trương Thăng L về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025 (sau đây viết tắt là BLHS).

Tại phiên tòa sơ thẩm bị cáo Trương Thăng L thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên đã truy tố đối với bị cáo.

Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX): Áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 50, Điều 38 của BLHS:

- Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Thăng L phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”.

- Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Thăng L từ 05 (năm) năm đến 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 02/9/2025.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS): Đề nghị tịch thu tiêu hủy số ma túy thu được của bị cáo L, được hoàn trả lại sau giám định, niêm phong trong phong bì số 1074/KL-KTHS của Phòng K2 Công an tỉnh H. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị S 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ – đen, biển kiểm soát 17B8-202.78.

- Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc bị cáo L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

- Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của BLTTHS, tuyên quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định đối với bị cáo L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án.

Bị cáo Trương Thăng L không có ý kiến tranh luận và bào chữa. Bị cáo L nói lời sau cùng: Bị cáo rất ân hận về hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, bị cáo xin HĐXX cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất, để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh H, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Hưng Yên, Kiểm sát viên, trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp. Tại phiên tòa sơ thẩm vắng mặt những người chứng kiến nhưng họ đã có lời khai đầy đủ trong hồ sơ vụ án, việc họ vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm không ảnh hưởng tới việc xét xử vụ án, căn cứ vào Điều 296 của BLTTHS Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo trình tự chung.

[2] Vào khoảng 16 giờ 30 phút ngày 02/9/2025, tại khu vực đường bê tông

trước cổng nhà ông Bùi Văn C, sinh năm 1971, thuộc địa phận thôn B, xã Đ, tỉnh Hưng Yên, Công an xã Đ phát hiện bắt quả tang Trương Thăng L có hành vi tàng trữ trái phép 01 gói ma túy là Heroin, có khối lượng 0,1808 gam với mục đích để sử dụng cho bản thân. Hành vi phạm tội mà bị cáo L đã thực hiện được chứng minh bằng các chứng cứ, tài liệu sau: Biên bản bắt người phạm tội quả tang do Cơ quan Công an xã Đ, tỉnh Hưng Yên lập hồi 17 giờ 45 phút ngày 02/9/2025 tại trụ sở Công an xã Đ, tỉnh Hưng Yên (Bút lục số 13 đến 14); biên bản tạm giữ tài sản, đồ vật, tài liệu; biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ do cơ quan Công an xã Đ, tỉnh Hưng Yên lập hồi 17 giờ, 17 giờ 16 phút, 17 giờ 31 phút cùng ngày 02/9/2025 tại Công an xã Đ, tỉnh Hưng Yên (Bút lục số 51 đến 53); bản kết luận giám định số 1074/KL-KTHS ngày 06/9/2025 của Phòng K2 Công an tỉnh H (Bút lục số 23); lời khai của người chứng kiến là anh Bùi Công K (bút lục số 63 đến số F) và anh Vũ Đình K1 (bút lục số 67 đến số G); lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Phạm Thị S (bút lục số 60 đến số F); lời khai nhận tội của bị cáo L tại Cơ quan Công an cũng như lời khai nhận tội của bị cáo L tại phiên tòa sơ thẩm, cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án.

[3] Do đó HĐXX có đủ căn cứ kết luận, hành vi phạm tội mà bị cáo L đã thực hiện nêu trên, đã cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm o khoản 2 Điều 249 của BLHS.

Điều 249. Tội tàng trữ trái phép chất ma túy

1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 05 năm:

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 05 năm đến 10 năm:

a)...

o) Tái phạm nguy hiểm;

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản.

[4] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo L không phải chịu tình tiết tăng nặng nào theo quy định tại Điều 52 của BLHS. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, bị cáo L thành khẩn khai báo nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[5] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo L đã gây ra, nhân thân của bị cáo L, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo L. HĐXX nhận thấy rằng, ma túy đang là hiểm họa của loài người, ma túy làm băng hoại đạo đức, nhân cách cũng như sức khỏe của con người, là nguyên

nhân phát sinh nhiều tội phạm khác cũng như nguyên nhân lây nhiễm căn bệnh thể kỷ HIV/AIDS; bị cáo L có 02 tiền án chưa được xóa án tích, phạm tội lần này là tái phạm nguy hiểm. Do đó, HĐXX thấy cần áp dụng điểm o khoản 2 Điều 249, Điều 50, Điều 38 của BLHS để quyết định một hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo L, cách ly bị cáo L ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng trừng trị, giáo dục đối với bị cáo và đấu tranh phòng ngừa tội phạm.

[6] Về hình phạt bổ sung: Ngoài hình phạt chính áp dụng đối với bị cáo, thì theo quy định tại khoản 5 Điều 249 của BLHS, bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung “...*bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, ... hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*”, do bị cáo tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng cho bản thân. Vì vậy HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[6] Về nguồn gốc số ma túy: Bị cáo L khai mua của một người đàn ông không biết tên, tuổi, địa chỉ tại khu vực ngã tư Đ, xã Đ, tỉnh Hưng Yên với giá 200.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã xác minh nhưng không xác định được người bán ma túy cho L nên không có căn cứ để điều tra xử lý đối với người đàn ông đã bán ma túy cho bị cáo L vào ngày 02/9/2025, là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của BLHS; Điều 106 của BLTTHS: Đối với số ma túy hoàn lại sau giám định còn 0,1411 gam được niêm phong trong phong bì niêm phong mẫu hoàn lại số 1074/KL-KTHS của Phòng K2 Công an tỉnh H là vật chứng của vụ án cần tịch thu tiêu hủy; đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ - đen, biển kiểm soát 17B8-202.78 mà Trương Thăng L sử dụng để đi mua ma túy, quá trình điều tra xác định chiếc xe trên là tài sản của bà Phạm Thị S (mẹ đẻ của bị cáo L) ngày 02/9/2025 bị cáo L lấy xe mô tô của bà S để đi mua ma túy nhưng không nói với bà S là mượn xe của bà S để đi mua ma túy, bà S không biết bị cáo L sử dụng xe của mình để đi mua ma túy. Do đó, HĐXX thấy cần tuyên trả lại cho bà Phạm Thị S chiếc xe mô tô này. Tất cả các vật chứng nêu trên, đã được chuyển đến Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 – Hưng Yên.

[8] Về án phí: Áp dụng các Điều 135, 136 của BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Q, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Trương Thăng L phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[9] Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 333 của BLTTHS. Bị cáo Trương Thăng L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Điểm o khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38, Điều 50 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, 2024, 2025. Điều 135, Điều 136, Điều 296, Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Thăng L phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

3. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Trương Thăng L 05 (năm) năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/9/2025.

4. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu huỷ 0,1411 gam ma túy, loại heroin hoàn trả sau giám định, niêm phong trong phong bì số 1074/KL-KTHS của Phòng K2 Công an tỉnh H. Trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Phạm Thị S 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Jupiter màu đỏ – đen, biển kiểm soát 17B8-202.78.

(Vật chứng của vụ án đã chuyển Phòng thi hành án dân sự khu vực 6 - Hưng Yên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản đề ngày 03/12/2025).

5. Về án phí: Bị cáo Trương Thăng L phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo Trương Thăng L có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị S có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án phần liên quan tới mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 6 -Hưng Yên;
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên;
- Công an tỉnh Hưng Yên;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: HCTP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Trần Xuân Bằng